**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN CHÂU**
**TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thành Chung**.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**;
2. Ông **Đinh Hữu Cải**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Út N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 14, ấp 2, xã N, huyện C, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:*
1. Chị Huỳnh Thị Hồng G, sinh năm 1992 (vắng mặt);
2. Anh Trần Phúc T, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã S, huyện C, tỉnh N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Út N trình bày:*

Chị quen thân với chị G, anh T vì nhà giáp ranh với nhau. Chị cho chị G vay tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 19/4/2018, chị G vay 25.000.000 đồng để kinh doanh đại lý sữa, có làm

giấy do chị G tự viết và ký tên, lãi thỏa thuận 5%/tháng, hẹn 06 tháng trả nhưng không ghi vào giấy nợ. Chị G trả lãi được khoảng 01 năm thì không trả nữa, cũng chưa trả gốc.

+ Ngày 15/3/2019, chị G vay thêm 150.000.000 đồng để mở tiệm nail và kinh doanh mỹ phẩm, không làm giấy vì chị G hẹn hôm sau trả ngay, không thỏa thuận lãi mà chị G trả lãi thế nào cũng được. Chị G không trả lãi, cũng chưa trả gốc.

+ Ngày 17/8/2020, chị G vay thêm 200.000.000 đồng để lo cho mẹ bệnh và em trai gây tai nạn chết người, không làm giấy vì chị G nói việc gấp về làm giấy sau, không thỏa thuận lãi mà chị G trả lãi thế nào cũng được. Chị G không trả lãi, cũng chưa trả gốc.

+ Ngày 05/12/2020, chị G vay thêm 145.000.000 đồng để kinh doanh sữa, không làm giấy vì chị G hẹn làm giấy sau, lãi thỏa thuận 5%/tháng. Chị G không trả lãi, cũng chưa trả gốc.

+ Ngày 19/6/2021, chị G vay thêm 160.000.000 đồng để kinh doanh và đưa mẹ chồng mua đất, có làm giấy do chị G tự viết và ký tên, thỏa thuận lãi 5%/tháng. Chị G không trả lãi, cũng chưa trả gốc.

Tổng cộng, chị đã cho chị G vay 680.000.000 đồng, trong đó có 185.000.000 đồng có làm giấy, còn lại 495.000.000 đồng không làm giấy.

Lúc giao dịch thì không có mặt anh T nhưng sau đó anh T biết vì chị G có nói chuyện với anh T. Sau này chị đến đòi nợ thì anh T lại nói không biết. Chị không có chứng cứ gì khác chứng minh anh T biết việc này.

Vì chị và chị G rất thân với nhau, chị G năn nỉ chị nhiều lần vì những lý do chính đáng như mẹ bệnh, em trai gây tai nạn và những việc này là có thật. Vì là chỗ thân thiết tin tưởng với nhau nên sau đó chị cũng không yêu cầu làm giấy. Khi chị G không trả lãi được cho chị, chị đòi thì chị G năn nỉ tha thiết để chị G làm ăn rồi trả chứ làm khó thì vợ chồng chị G sẽ mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Chị nghĩ nếu không cho vay thêm tạo điều kiện cho chị G làm ăn sẽ không có tiền trả nợ trước đó cho mình nên mới phải cho vay thêm. Trước khi chị khởi kiện thì chị G có nói với chị là bị vỡ nợ vì nợ nhiều người, hiện nay cũng có người kiện chị G tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu và sau này chị G trở mặt thách thức chị nên chị mới kiện. Chị chỉ có tin nhắn Zalo của chị G vào các ngày 24/9/2021 và 25/9/2021 mà chị đã in ra cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, chị không có chứng cứ gì khác.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị G, anh T trả lại cho chị số tiền tổng cộng 680.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn là chị Huỳnh Thị Hồng G vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Bị đơn là anh Trần Phúc T trình bày:*

Chị G là vợ anh, có đăng ký kết hôn, đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay nhưng chưa ly hôn vì chị G giấu anh việc vay nợ nhiều người, khi phát hiện ra thì vợ chồng mâu thuẫn, chị G đi khỏi nhà cho đến nay không về, anh không biết ở đâu. Bản thân anh không vay tiền của chị Út N. Anh không biết chị G có vay tiền chị Út N hay không. Chị Út N cũng không đến đòi nợ anh lần nào. Giả sử chị G xác định có nợ chị Út N số tiền trên thì anh cũng không đồng ý có trách nhiệm trả vì việc vay mượn này anh không biết, không sử dụng tiền, không biết chị G vay làm gì. Vợ chồng anh không gộp

chung thu nhập, ai làm người đó tự quản lý, sử dụng. Hàng tháng anh phụ tiền cho chị G chi tiêu trong gia đình.

Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Út N vì anh không biết gì về việc vay tiền này. Trong tổng số tiền 680.000.000 đồng chị Út N kiện thì có 495.000.000 đồng không có giấy là không có căn cứ; đối với hai giấy viết tay chị Út N dùng để kiện vợ chồng anh với số tiền 185.000.000 đồng không có chữ ký của anh, anh cũng không xác định được có phải do chị G ký hay không nên anh không có nghĩa vụ gì trong việc này.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến*:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Út N về việc yêu cầu chị G trả nợ vay 185.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận yêu cầu của chị Út N về việc yêu cầu anh T trả nợ vay 185.000.000 đồng cùng chị G.

+ Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Út N, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị G vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đề tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Út N, anh T, chị G.

[1.2] Ngày 14/6/2022, chị Út N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị G, anh T về việc yêu cầu trả số tiền 495.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của chị Út N.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, chị Út N chỉ yêu cầu chị G, anh T trả cho chị 185.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Anh T không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của chị Út N.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của chị Út N thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Út N cung cấp được giấy vay tiền viết tay đề ngày 19/4/2018 với số tiền 25.000.000 đồng và Giấy vay tiền viết tay đề ngày 19/6/2021 với số tiền 160.000.000 đồng, tổng cộng 185.000.000 đồng. Chị Út N cho rằng chữ viết nội dung, chữ ký tên G và chữ viết họ tên Huỳnh Thị Hồng G trong hai vay tiền trên là chữ viết, chữ ký của chị G. Như vậy, chị Út N đã thực hiện xong nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định của pháp luật. Chị G vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết vụ án, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định chị G có vay chị Út N số tiền 185.000.000 đồng vào các ngày 19/4/2018 và 19/6/2021 là có thật. Cần buộc chị G trả lại cho chị Út N số tiền trên là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu anh T cùng có nghĩa vụ trả số tiền trên của chị Út N thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án chị Út N thừa nhận khi cho chị G vay tiền không có mặt anh T, anh T không ký giấy vay tiền. Chị Út N cho rằng anh T có biết sự việc trên vì sau này chị có đòi nợ anh T. Anh T không thừa nhận việc có biết việc chị G vay tiền, không thừa nhận việc chị Út N có đòi tiền anh, không thừa nhận việc sử dụng chung số tiền vay, không biết chị G vay để làm gì, không đồng ý cùng chị G trả số tiền trên cho chị Út N. Chị G vắng mặt nên không chứng minh được anh T có vay số tiền trên. Chị Út N cũng không đưa ra được chứng cứ khác chứng minh việc anh T có liên quan đến số tiền vay trên, không chứng minh được việc anh T có nghĩa vụ chung với chị G theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu anh T cùng trả số tiền trên cho chị Út N là phù hợp.

[2.3] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Út N, buộc chị G có nghĩa vụ trả lại cho chị Út N số tiền 185.000.000 đồng, ghi nhận chị Út N không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 147, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Út N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Út N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Út N đối với chị Huỳnh Thị Hồng G và anh Trần Phúc T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng G có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thị Út N 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng tiền gốc; ghi nhận chị Trần Thị Út N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày chị Út N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị G không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng chị G còn phải trả cho chị Út N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Út N về việc yêu cầu chị Huỳnh Thị Hồng G, anh Trần Phúc T trả số tiền 495.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Hồng G phải chịu 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị Út N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Trần Thị Út N 15.600.000 (mười lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007108 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**